

TÍCH HỢP GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TRONG CÁC LỚP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO HỌC SINH 7 TUỔI Ở VIỆT NAM

Phạm Văn Hận*

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài: 08/09/2022; Hoàn thành phản biện: 25/11/2022; Duyệt đăng: 30/12/2022

Tóm tắt: Nâng cao trình độ tiếng Anh cho học sinh là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong giáo dục Việt Nam. Việc tìm ra các phương pháp giảng dạy mới, giúp học sinh chủ động, tích cực trong học tập được xem là một giải pháp trong giai đoạn hiện nay. Bài báo này trình bày kết quả của việc tích hợp giảng dạy tiếng Anh trong các lớp giáo dục thể chất cho học sinh lớp 2 bằng phương pháp “Brainball”. Thiết kế nghiên cứu gồm một thực nghiệm sư phạm với kỹ thuật nhóm song song (thực nghiệm và đối chứng). Kết quả của nghiên cứu cung cấp những hiểu biết ban đầu đầy hứa hẹn rằng việc sử dụng Brainball trong các giờ học Thể dục có thể là một cách tiếp cận hữu ích để cải thiện khả năng vận động và nâng cao thành tích học tập cho học sinh.

Keywords: Brainball, giáo dục thể chất, kỹ năng tiếng Anh, dạy học tích hợp

1. Mở đầu

Hiện nay, giáo dục tích hợp là chiến lược dạy học được triển khai khá phổ biến ở các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Quan điểm giáo dục tích hợp nhằm hình thành và phát triển ở học sinh các năng lực cần thiết, trong đó có vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống thực tiễn một cách hiệu quả. Điều đó cũng có nghĩa là đảm bảo rằng mỗi học sinh có thể vận dụng kiến thức đã học ở trường vào những hoàn cảnh mới, phức tạp và bất ngờ, từ đó trở thành một công dân có trách nhiệm, một người lao động có năng lực (Hà, 2015).

Giáo dục tích hợp được coi là một phương pháp dạy học hiệu quả nhằm tối ưu hóa mục đích giáo dục cho học sinh trong giai đoạn đầu của giáo dục. Mục tiêu chính của giáo dục tích hợp ở mẫu giáo và tiểu học là hỗ trợ trẻ em phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, văn hóa, đạo đức, tình cảm và tinh thần, từ đó giúp các em chuẩn bị tốt nhất để sống hòa hợp với con người và thiên nhiên (Rokita & Rzepa, 2002).

Với nỗ lực tìm ra một phương pháp giảng dạy mới để cải thiện việc dạy và học cho học sinh, các nhà nghiên cứu tại Đại học Khoa học Thể thao và Sức khỏe Wrocław, Ba Lan, đã tạo ra một phương pháp giảng dạy tích cực có tên gọi là Eduball/Brainball. Phương pháp dạy học chủ yếu của chương trình là sử dụng các trò chơi và bài tập được thiết kế bằng các quả bóng giáo dục để lồng ghép nội dung của các môn học khác vào các tiết học thể dục. Sau nhiều năm nghiên cứu, các nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng việc sử dụng các trò chơi và bài tập vui nhộn cùng với các quả bóng giáo dục trong các lớp học thể dục đã tác động tích cực đến thể chất của trẻ, kỹ năng vận động, phối hợp tay mắt và nhận thức về không gian. Những trẻ tham gia thực nghiệm sư phạm với Eduball/Brainball cải thiện đáng kể kỹ năng ngôn ngữ và đạt điểm toán tốt hơn so với trẻ trong nhóm đối chứng (Cichy et al., 2020, 2022; Rokita, 2008).

Ý tưởng về những quả bóng giáo dục được ra đời vào năm 2002 tại Khoa Thể thao Đồng đội thuộc Đại học Khoa học Thể thao và Sức khỏe Wrocław, Ba Lan. Tên đầu tiên của các quả

* Email: pvhan@agu.edu.vn

Eduball/Brainball được Bộ Giáo dục Quốc gia Ba Lan công nhận. Chúng đã được đưa vào danh sách chính thức các đồ dùng dạy học cho các trường tiểu học. Eduball/Brainball cũng đã được ra mắt và được biết đến rộng rãi ở một số quốc gia, bao gồm Đức, Bồ Đào Nha, Phần Lan, Hy Lạp, Mỹ, Singapore và Đài Loan (Trung Quốc) (Cichy et al., 2020). Lợi ích của các quả bóng giáo dục đã được chứng minh trong nhiều nghiên cứu trên khắp thế giới. Tuy nhiên, ở Việt Nam chưa có nghiên cứu khoa học nào đánh giá tính hiệu quả của chương trình này. Do đó, nghiên cứu này nhằm tìm hiểu xem việc dạy giáo dục thể chất với Brainball có tác động và ý nghĩa tương tự đến việc phát triển các kỹ năng tiếng Anh của học sinh ở Việt Nam hay không.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu là những học sinh khối lớp 2 tại trường Quốc tế GIS, Long Xuyên - An Giang. Có tổng cộng 55 học sinh (23 nam và 32 nữ) từ 7 tuổi tham gia trong nghiên cứu này. Cha mẹ và người giám hộ của tất cả những học sinh tham gia đều đồng ý cho con họ tham gia vào nghiên cứu này.

2.2. Quy trình thực nghiệm

Nghiên cứu được thực hiện trong năm học 2019-2020. Thiết kế nghiên cứu bao gồm thực nghiệm sư phạm sử dụng kỹ thuật phân nhóm song song trong điều kiện học tập tự nhiên. Những người tham gia được chia ngẫu nhiên thành một nhóm đối chứng gồm 27 học sinh (11 nam và 16 nữ) và một nhóm thực nghiệm gồm 28 học sinh (12 nam và 16 nữ). Quá trình dạy học của cả hai nhóm (nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng) được thực hiện theo cùng một chương trình giảng dạy do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam quy định. Điểm khác biệt duy nhất giữa hai nhóm học sinh tham gia nghiên cứu là việc đưa Brainball vào giảng dạy và học tập ở nhóm thực nghiệm.

Bảng 1. GDTC ở nhóm đối chứng và thực nghiệm

Nhóm đối chứng	Nhóm thực nghiệm
- Khởi động (5 phút)	- Khởi động (5 phút)
- Nội dung bài học (10 – 15 phút)	- Nội dung bài học (10 – 15 phút)
- Tập luyện và ôn tập (10 – 15 phút)	- Các trò chơi với Brainball (10 – 15 phút)
- Thả lỏng (5 phút)	- Thả lỏng (5 phút)

Yếu tố thực nghiệm là một chương trình giáo dục thể chất (GDTC) kết hợp với các trò chơi và bài tập cùng với Brainball. Nhóm thực nghiệm tham gia các lớp GDTC hai tiết một tuần, mỗi tiết 35 phút và tích hợp với Brainballs trong một học kỳ. Dựa trên các trò chơi và bài tập được thiết kế bởi Rokita và các đồng nghiệp tại Đại học Khoa học Thể thao và Sức khỏe Wrocław, tôi cùng với giáo viên tiếng Anh và giáo viên thể dục tham nghiên cứu này thảo luận và xây dựng các giáo án phù hợp với chương trình và hoạt động của nhà trường. Chương trình thực nghiệm bao gồm 40 tiết học GDTC. Ở nhóm đối chứng, các lớp GDTC cũng diễn ra hai tiết một tuần với thời lượng 35 phút và được thực hiện theo chương trình truyền thống không tích hợp Brainball vào các tiết học. Một giáo viên GDTC với mười năm kinh nghiệm giảng dạy đã trực tiếp đứng lớp cả hai nhóm học sinh (nhóm thực nghiệm và đối chứng). Trước khi thực nghiệm, giáo viên này đã được huấn luyện về phương pháp giảng dạy Brainball, cách tổ chức và thực hiện các trò chơi và bài tập với những quả bóng này.

2.3. Cách đo lường năng lực tiếng Anh

Để đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, nghiên cứu đã sử dụng bài kiểm tra theo dạng câu hỏi được thiết kế bởi giáo viên tiếng Anh và các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Bài kiểm tra được biên soạn với nội dung đa dạng, phù hợp với chương trình học gồm 3 nội dung chính.

- Nhận biết và đọc các danh từ, động từ theo chủ đề đã học trong ngữ cảnh giao tiếp cụ thể.
- Trả lời các câu hỏi đơn giản và trả lời bằng một hoặc hai từ trong ngữ cảnh quen thuộc và cụ thể.
- Đưa ra một số câu lệnh quen thuộc khi tham gia một số hoạt động nhóm trong giờ học.

Bài kiểm tra sắp xếp các câu hỏi theo độ khó tăng dần. Nó có thể đánh giá được năng lực của học sinh ở đầu năm học và có phần nâng cao để đánh giá năng lực học sinh vào cuối năm học. Thời lượng của bài kiểm tra là 35 phút. Thang điểm dùng để đánh giá kết quả là thang điểm 10.

Để đánh giá độ tin cậy của các bài kiểm tra năng lực tiếng Anh của học sinh, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp retest. Bài kiểm tra được học sinh ở cả hai nhóm thực hiện hai lần trong cùng điều kiện, thời gian giữa lần thứ nhất và thứ hai cách nhau 7 ngày. Sau đó tính hệ số tương quan (r) của hai lần kiểm tra, kết quả cho thấy bài kiểm tra có hệ số tương quan $r > 0,8$ và $p \leq 0,05$. Điều đó có nghĩa là bài kiểm tra đủ tin cậy và được phép sử dụng.

Tất cả các phép đo được thực hiện vào tháng 9 năm 2019 (đầu năm học) và vào tháng 1 năm 2020 (20 tuần sau, vào cuối học kỳ I). Buổi kiểm tra cuối cùng, lần thứ ba diễn ra vào tháng 9 năm 2020 (tám tháng sau khi kết thúc chương trình can thiệp) để ước tính tác động lâu dài. Bài kiểm tra được thực hiện ở lớp học trong giờ học bình thường và được giám sát bởi giáo viên giảng dạy.

2.4. Phân tích thống kê

Phần mềm Statistica phiên bản 13.0 (Statsoft Polska Sp. Z o.o., Krakow, Ba Lan) được sử dụng để phân tích thống kê. Đầu tiên, thử nghiệm Shapiro-Wilk xác nhận phân phối chuẩn của bài kiểm tra. Sau đó, bài kiểm tra t-test đối với các biến phụ thuộc được sử dụng để so sánh sự khác biệt về các tham số trung bình của bài kiểm tra được thực hiện bởi nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Tiếp theo, để xác định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, một phân tích phương sai (ANOVA) đã được thực hiện. Bài kiểm tra Post hoc của Newman-Keuls được sử dụng để xác nhận tầm quan trọng của sự khác biệt giữa các nhóm. Ý nghĩa thống kê đặt ở mức $p < 0,05$.

3. Kết quả nghiên cứu

Bảng 2 trình bày số liệu về mức độ tiếng Anh của học sinh trước và sau thực nghiệm ở mỗi nhóm.

Kết quả trong Bảng 2 cho thấy sau 20 tuần thực nghiệm (kiểm tra lần thứ nhất đến lần thứ hai), học sinh của nhóm thực nghiệm và đối chứng không có sự khác biệt đáng kể về mức độ tiếng Anh của họ. Tuy nhiên, sau một năm nghiên cứu (kiểm tra theo dõi), có sự cải thiện đáng kể về mức độ tiếng Anh của học sinh ở cả hai nhóm, $p < 0,001$.

Bảng 2. Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn (SD) của bài kiểm tra tiếng Anh mà học sinh từ nhóm thực nghiệm và đối chứng thu được trong các lần kiểm tra trước, sau và theo dõi.

Biến		Giai đoạn đánh giá				
		Lần 1	Lần 2	p	Follow-up	P
Tiếng Anh	C	13.22 ± 0.30	13.08 ± 0.32	ns	12.42 ± 0.25	0.000
	E	13.40 ± 0.30	13.20 ± 0.31	ns	11.91 ± 0.24	0.000
p-value		ns	ns		ns	

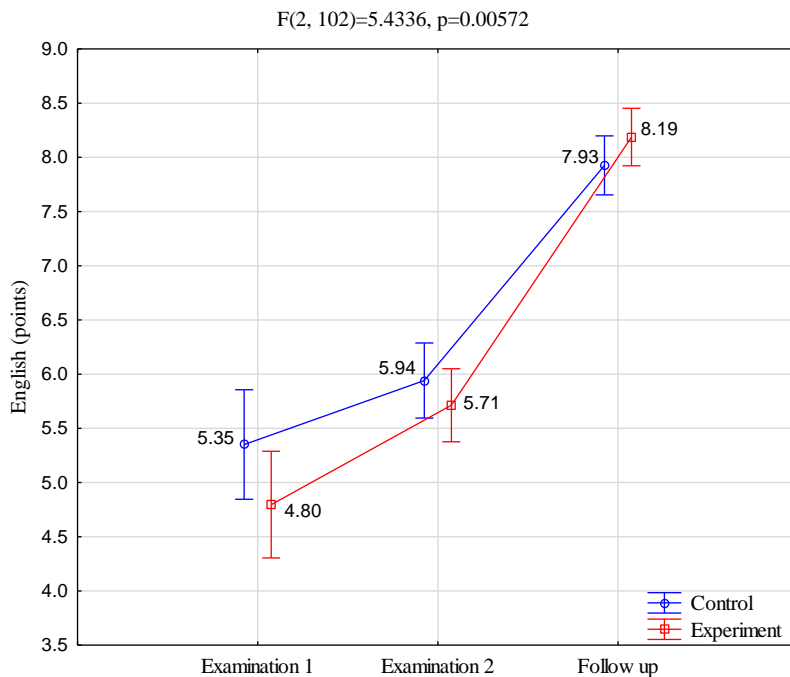
Ghi chú: Nhóm đối chứng - C; nhóm thực nghiệm - E; ns: không có sự khác biệt thống kê tại $p < 0.05$.

Một phân tích phương sai đo lường lặp lại ANOVA (2x2) đã được thực hiện để kiểm tra các tương tác và các tác động chính của chương trình Brainballs đối với sự phát triển kỹ năng tiếng Anh của học sinh. Kết quả phân tích cho thấy sau một năm nghiên cứu, có sự khác biệt đáng kể về mức độ cải thiện kỹ năng tiếng Anh giữa hai nhóm nghiên cứu. Học sinh từ nhóm thực nghiệm đạt được điểm số tốt hơn đáng kể so với học sinh từ nhóm đối chứng ($F(2, 102)=5.4336, p=0.0057$) (Bảng 3 và Hình 2).

Bảng 3. Kết quả phân tích phương sai đo lường lặp lại ANOVA (2x2)

Hiệu ứng	SS	MS	F	p	η^2
R1*Group	4.503	2.251	5.434	0.005	0.096

Ghi chú: Sum of squares - SS; Mean square - MS; partial Eta square - η^2 .



Hình 2. Kết quả về kỹ năng tiếng Anh của học sinh từ các nhóm thực nghiệm và đối chứng trong các lần kiểm tra thứ nhất, thứ hai và kiểm tra theo dõi

4. Bàn luận

Mục đích của nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả của việc tích hợp giảng dạy tiếng Anh trong các lớp GDTC cho học sinh lớp 2 bằng phương pháp Brainball. Kết quả của nghiên cứu hiện tại cho thấy học sinh từ hai nhóm (thực nghiệm và đối chứng) đã cải thiện đáng kể các kỹ năng tiếng Anh của họ sau một năm học so với kết quả kiểm tra ban đầu. Tuy nhiên khi phân tích sự tăng trưởng giữa hai nhóm nghiên cứu, kết quả cho thấy không có sự khác biệt đáng kể về mức độ cải thiện các kỹ năng tiếng Anh giữa hai nhóm sau 20 tuần đầu tiên của nghiên cứu. Ngoài ra, kết quả phân tích phương sai cho thấy rằng học sinh của nhóm thực nghiệm cải thiện đáng kể kỹ năng tiếng Anh so với học sinh từ nhóm đối chứng sau một năm học. Những phát hiện này cho thấy rằng mặc dù việc tích hợp giảng dạy tiếng Anh trong các lớp GDTC bằng phương pháp Brainball có thể không có tác động tích cực đến sự phát triển kỹ năng tiếng Anh của học sinh sau 20 tuần thực nghiệm, nhưng nó có thể có các tác động tích cực lâu dài đối với sự phát triển kỹ năng tiếng Anh của học sinh trong nhóm thực nghiệm.

Một điều đáng lưu ý là kết quả nghiên cứu sau 20 tuần thực nghiệm cho thấy không có sự khác biệt đáng kể về mức độ cải thiện kỹ năng tiếng Anh của học sinh giữa nhóm thực nghiệm và đối chứng. Tuy nhiên, khi nhìn vào điểm số của học sinh ở hai nhóm, có thể thấy rằng học sinh của nhóm thực nghiệm cải thiện điểm số của họ tốt hơn so với học sinh từ nhóm đối chứng, mặc dù không có ý nghĩa thống kê. Trong bài kiểm tra đầu tiên, học sinh từ nhóm thực nghiệm đạt kết quả trung bình thấp hơn so với học sinh từ nhóm đối chứng (4,80 so với 5,35). Sau 20 tuần thực hiện chương trình can thiệp, điểm trung bình của học sinh ở hai nhóm gần như tương đương nhau (5,76 so với 5,90). Những phát hiện này đã chỉ ra rằng có thể có mối quan hệ tác động tích cực của việc tích hợp giảng dạy tiếng Anh trong các lớp GDTC cho học sinh ở nhóm thực nghiệm. Nhưng do thời gian trải nghiệm và học tập với Brainball ngắn nên chưa đủ để các em tiếp thu và phát triển toàn diện các kỹ năng. Kết quả này có thể được giải thích là do quá trình chơi và học cùng với các quả bóng giáo dục “Brainball” trong các lớp GDTC. Nội dung các bài học được lồng ghép vào các trò chơi, bài tập với bóng mang tính giáo dục cao giúp học sinh tích cực tham gia và tiếp thu kiến thức một cách chủ động. Trong một hình thức tích hợp, học sinh đã học nội dung hai lần trong hai lớp học khác nhau và những nội dung đã học trong lớp được thực hành trong các lớp GDTC với Brainball.

Kết quả của các nghiên cứu trước đây cũng đã chứng minh rằng việc sử dụng Brainball trong các lớp GDTC cho học sinh mầm non và tiểu học không chỉ tác động tích cực đến sự phát triển kỹ năng vận động của học sinh mà còn kích thích sự phát triển trí tuệ của học sinh (Rokita & Cichy, 2014). Rokita và cộng sự (2017), trong một nghiên cứu tổng kết 15 năm nghiên cứu sử dụng các quả bóng giáo dục Eduball/Brainball trong giáo dục mầm non và tiểu học. Các tác giả đã chỉ ra rằng việc sử dụng Brainballs trong các lớp GDTC có tác động tích cực đến sự phát triển thể lực, kỹ năng vận động và nâng cao kiến thức và kỹ năng tiếp thu tiếng Ba Lan, toán học, ngoại ngữ và các môn học khác (Rokita, Cichy, & Wawrzyniak, 2017).

Nhiều nghiên cứu khác cũng cung cấp các bằng chứng khoa học về những lợi ích của việc tích hợp các hoạt động thể chất và học tập. Việc lồng ghép các nội dung của các môn học khác nhau ở trường vào GDTC không ảnh hưởng đến sự phát triển thể lực và kỹ năng vận động nhưng có tác động tích cực hơn đến thành tích học tập và tổng thể của học sinh (Connor-Kuntz & Dummer, 1996; Hall, 2007; Thompson & Robertson, 2015). Connor-Kuntz và Dummer (1996) nghiên cứu đánh giá tác động của chương trình giáo dục thể chất tăng cường ngôn ngữ đối với

các kỹ năng ngôn ngữ ở trẻ mầm non. Kết quả của họ chỉ ra rằng hướng dẫn ngôn ngữ có thể được thêm vào các bài học GDTC mà không yêu cầu thêm thời gian giảng dạy và quan trọng hơn là không ảnh hưởng đến việc cải thiện hiệu suất kỹ năng vận động. Hơn nữa, trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được tiếp xúc với bối cảnh GDTC tăng cường ngôn ngữ đã cải thiện kỹ năng ngôn ngữ một cách rõ rệt.

Chúng tôi thừa nhận rằng nghiên cứu của chúng tôi chỉ là một nghiên cứu sơ bộ để nhận ra các mô hình ảnh hưởng chung của chương trình Brainball đối với sự phát triển kỹ năng tiếng Anh của học sinh lớp 2 ở Việt Nam. Tuy nhiên chúng tôi cũng thận trọng kết luận rằng việc tích hợp giảng dạy tiếng Anh trong các lớp giáo dục thể chất góp một phần vào kết quả tích cực đối với sự cải thiện trình độ tiếng Anh của học sinh. Kết quả của nghiên cứu này cũng được xem là các biến số cho các nghiên cứu tiếp theo.

Nghiên cứu này vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau đây. Thứ nhất, đây là nghiên cứu đầu tiên được thực hiện ở Việt Nam về việc sử dụng Brainballs trong các lớp GDTC. Giáo viên và học sinh rất quan tâm đến phương pháp dạy và học mới. Tuy nhiên, họ cũng cảm thấy bối rối khi tiếp cận với phương pháp giảng dạy có sử dụng các quả bóng giáo dục Brainball. Thứ hai, nghiên cứu được thực hiện với mẫu số nhỏ, do đó kết quả nghiên cứu chưa thể khái quát cho học sinh ở những độ tuổi khác. Mặc dù có những hạn chế nêu trên, nghiên cứu này cũng có những điểm mạnh sau đây. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp thực nghiệm sư phạm với hai nhóm song song trong môi trường tự nhiên. Các em học sinh đã tự nguyện tham gia và được sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo nhà trường, các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh. Trong quá trình triển khai, nghiên cứu đã có sự phối hợp nhịp nhàng giữa giáo viên đứng lớp và giáo viên dạy GDTC trong nội dung giảng dạy, đây là điểm mới trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về việc tích hợp giảng dạy tiếng Anh trong các lớp GDTC cho học sinh lớp 2 ở Việt Nam. Đối với các em học sinh, các em có cơ hội trải nghiệm phương pháp học mới, tham gia các hoạt động thể chất thú vị với Brainballs. Điều này giúp các em tăng hứng thú học tập và bồi dưỡng khả năng tiếp thu kiến thức. Ngoài ra, kết quả của nghiên cứu này cung cấp những hiểu biết ban đầu đầy hứa hẹn rằng việc sử dụng Brainball trong các giờ học Thể dục có thể là một cách tiếp cận hữu ích để cải thiện kỹ năng vận động và thể lực cũng như nâng cao thành tích học tập của học sinh, đặc biệt là trong độ tuổi mầm non và tiểu học.

Tài liệu tham khảo

- Cichy, I., Kaczmarczyk, M., Wawrzyniak, S., Kruszwicka, A., Przybyla, T., Klichowski, M., & Rokita, A. (2020). Participating in physical classes using eduball stimulates acquisition of mathematical knowledge and skills by primary school students. *Frontiers in Psychology, 11*, 2194. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2020.02194>.
- Cichy, I., Kruszwicka, A., Palus, P., Przybyla, T., Schliermann, R., Wawrzyniak, S., Klichowski, M., & Rokita, A. (2022). Physical Education with Eduball Stimulates Non-Native Language Learning in Primary School Students. *International Journal of Environmental Research and Public Health, 19*(13), Article 13. <https://doi.org/10.3390/ijerph19138192>.
- Connor-Kuntz, F.J., & Dummer, G.M. (1996). Teaching across the Curriculum: Language - Enriched Physical Education for Preschool Children. *Adapted Physical Activity Quarterly, 13*(3), 302–315. <https://doi.org/10.1123/apaq.13.3.302>.

- Hà, T.L.H. (2015). Dạy học tích hợp vì mục tiêu phát triển năng lực vận dụng kiến thức của học sinh. *JOURNAL OF SCIENCE OF HNUE*, 60(6A), 91–96. <https://doi.org/DOI: 10.18173/2354-1075.2015-0079>.
- Hall, E.M. (2007). Integration: Helping to get our kids moving and learning. *The Physical Educator*, 64(3), Article 3. <https://js.sagamorepub.com/pe/article/view/2154>.
- Rokita, A. (2008). *Zajęcia ruchowe z piłkami edukacyjnymi "edubal" w kształceniu zintegrowanym a sprawność fizyczna oraz umiejętności czytania i pisanie uczniów (Movement classes with educational balls "edubal" in integrated education and physical fitness and reading and writing skills of students)*. Wydawnictwo Akademii Wychowania Fizycznego.
- Rokita, A., & Cichy, I. (2014). "Edubal" jako nowa metoda w pedagogii gier i zabaw z piłką – przegląd badań. *Rozprawy Naukowe Akademii Wychowania Fizycznego we Wrocławiu*, 45, 70–78.
- Rokita, A., Cichy, I., & Wawrzyniak, S. (2017). Ruch, który rozwija – wykorzystanie piłek edukacyjnych EDUball w edukacji przedszkolnej i wczesnoszkolnej Podsumowanie 15 lat badań (Movement that develops—The use of EDUball educational balls in preschool and early childhood education Summary of 15 years of research). *Pedagogika Przedszkolna i Wczesnoszkolna*, 5, 183–196.
- Rokita, A., Cichy, I., Wawrzyniak, S., & Korbecki, M. (2017). *EDUball games and sports. A guide for primary school teachers and cooperating physical education teachers carrying out the "little champion" program*. Wrocław, Poland: Ministry of Sport and Tourism, Marshal Office of the Lower Silesia Region, and School Sports Association "Dolny Slask".
- Rokita, A., & Rzepa, T. (2002). *Bawiąc-uczę się: Piłki edukacyjne w kształceniu zintegrowanym (Playing-learning: Educational balls in integrated education)*. Wydaw. AWF.
- Rokita, A., Wawrzyniak, S., & Cichy, I. (2018). *Learning by Playing!: 100 Games and Exercises of Brainballs*. University School of Physical Education in Wrocław, Poland.
- Thompson, S., & Robertson, J. (2015). The Effects of Integrating Mathematics into the Physical Education Setting. *Masters of Arts in Education Action Research Papers*. <https://sophia.stkate.edu/maed/101>.

INTEGRATING ENGLISH TEACHING IN PHYSICAL EDUCATION CLASSES FOR 7-YEAR-OLD PUPILS IN VIETNAM

Abstract: Improving students' English proficiency is one of the critical tasks in Vietnamese education. Finding new teaching methods and helping students to be active in learning is considered a solution in the current period. This paper presents the results of integrating English teaching in physical education classes for 2nd-grade students using the "Brainball" method. The study design consisted of a pedagogical experiment with a parallel group technique (experiment and control). The study results provide promising initial insights that using Brainball in PE classes could be a useful approach to improve mobility and academic performance for children.

Keywords: Brainball, physical education, English skills, integrated teaching